TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

Số: 02/2026/QĐ-DSPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường, ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản: ông Phạm Văn Phong.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên họp: bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 157/2025/QĐST-DS ngày 24/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 48, điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 219, khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 71/2024/AL theo Quyết định số 119 A/QĐ-CA ngày 15/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, giữa:

Nguyên đơn: bà Lê Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Nguyễn Hồng N; địa chỉ: H Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là H Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Bị đơn: bà Phạm Thị T (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T: ông Phạm Minh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: ông Đặng Xuân Q;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1: Luật sư Võ Đình D - Văn phòng L3, đoàn luật sư tỉnh Đ;

Cùng địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Đại diện theo ủy quyền: ông Phan Khắc H - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ.

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Đắk Lắk. Đ đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh H1 - Phó Chủ tịch UBND xã Q.

+ ông Phạm Văn T2, sinh năm 1950; địa chỉ: I T, phường X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh)

+ ông Phạm Văn T3, sinh năm 1955; địa chỉ: TDP I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

+ ông Phạm Văn T4, sinh năm 1963; địa chỉ: TDP F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk)

+ Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk).

+ bà Phạm Thị L1, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk).

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T3, ông Phạm Văn T4, bà Phạm Thị T5, bà Phạm Thị L1 là ông Phạm Minh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Đại diện lại theo ủy quyền của ông T1 là ông Đặng Xuân Q; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

+ bà Phạm Thị T6, sinh năm 1957; địa chỉ: Hẻm A đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

+ bà Phạm Thị Thanh T7, sinh năm 1974; địa chỉ: F ấp B, đường X, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh)

+ bà Dương Thị Hồng H2, sinh năm 1972; chị Phạm Thị Thanh H3, sinh năm 2002; anh Phạm Thanh H4, sinh năm 2004; cùng địa chỉ: TDP H, xã L, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 26/9/2025, bà Lê Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 157/2025/QĐST-DS ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Tại phiên họp đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Khoảng năm 1965, gia đình bà Phạm Thị T có 01 thửa đất diện tích 0,49ha hiện nay tọa lạc tại thôn A P, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nhưng trước năm 1975, gia đình bà T đã đi nơi khác sinh sống, bỏ hoang mảnh đất nên sau năm 1975, Nhà nước đã trưng dụng mảnh đất gia đình bà T bỏ hoang, giao cho Hợp tác xã P quản lý. Hợp tác xã P lần lượt giao mảnh đất này cho 03 hộ quản lý, canh tác, nhưng các hộ đều không thực hiện nghiêm túc. Năm 1985, Hợp tác xã P1 vận động gia đình bà Trịnh Thị L2 và giao cho gia đình bà L2 quản lý, canh tác toàn bộ mảnh đất và bà L2 đã đền bù thành quả lao động đầy đủ cho 3 hộ được giao đất trước đây. Sau khi bà L2 chết, ông Trịnh Quang T8 (cháu ruột bà L2) và vợ là bà Lê Thị L thừa kế quản lý, canh tác mảnh đất.

[2] Năm 1991, bà T gửi đơn khiếu nại lên UBND tỉnh Đ để đòi lại mảnh đất. Ngày 20/5/1996, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 960/QĐ-UB về giải quyết khiếu nại của bà T, theo đó buộc gia đình bà L trả lại 0,49ha cà phê do Hợp tác xã đang quản lý, sử dụng cho bà T, bà T phải bồi hoàn giá trị tài sản trên đất cho gia đình bà L 27.723.600đ; các bên không khiếu nại, khiếu kiện Quyết định số 960 nên Quyết định số 960 có hiệu lực pháp luật. Ngày 15/01/2001, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R458500 đối với thửa đất số 351, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.800m^2 tại xã Q, huyện C cho hộ ông Trịnh Quang T8, nhưng ngày 13/12/2004 UBND huyện C ban hành Quyết định số 4273/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R458500 do việc cấp Giấy chứng nhận đất cho hộ ông T8 khi đã có Quyết định số 960/QĐ-UB ngày 20/5/1996 của UBND tỉnh Đ công nhận đất cho bà T là trái quy định tại tiết d điểm 2 Công văn số 1427/CV-ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn xử lý một số vấn đề đất đai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L không đồng ý với Quyết định số 4273/QĐ-UBND nên khiếu nại và ngày 28/02/2005, UBND huyện C ban hành Quyết định số 241/QĐ-UB không chấp nhận khiếu nại của bà L. Bà L tiếp tục khiếu nại và ngày 13/7/2009, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1783/QĐ-UBND điều chỉnh Điều 2 của Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 20/5/1996 của UBND tỉnh Đ, theo đó buộc bà T phải thanh toán cho bà L số tiền 96.000.000 đồng, bà L không đồng ý với Quyết định số 1783/QĐ-UBND, nhưng không khiếu nại và cũng không thực hiện việc bàn giao đất cho bà T.

[3] Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND tỉnh Đ không bị các bên khiếu nại, khiếu kiện trong thời hạn khiếu nại, khiếu kiên nên có hiệu lực pháp luật và ngày 19/01/2010, UBND huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 929515 đối với thửa đất số 315, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.800m^2 tại xã Q, huyện C cho bà Phạm Thị T. Xét, tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.800m^2 xã Q, huyện C đã được giải quyết tại Quyết định số 960/QĐ-UB ngày 20/5/1996 và Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Đ và các Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.800m^2 tại xã Q, huyện C và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 929515 mà UBND huyện C đã cấp cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất 315 là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 960/QĐ-UB ngày 20/5/1996 và Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND tỉnh

Đ, hủy Quyết định số 20/QĐ-UB ngày 18/01/2010 của UBND huyện C về công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 929515 do UBND huyện C cấp ngày 19/01/2010 cho bà Phạm Thị T là các quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk ban hành Quyết định số 157/2025/QĐ-CHS ngày 24/9/2025 chuyển đơn khởi kiện của bà Lê Thị L cho Tòa án nhân dân khu vực 3 – tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ đúng pháp luật (đúng với hướng dẫn tại mục 9 phần II Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao và khoản 3 Điều 2 của Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án).

[5] Bà Lê Thị L kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 157/2025/QĐST-DS ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Kim Nhân